

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Địa chỉ: KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511.3732 998

Fax: 0511.3732 489

Mục lục	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Địa chỉ: Khu công nghiệp Hoà Khánh, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Tel: 05113. 732 998

Fax: 05113. 732 489

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Giám đốc Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM trình bày báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM

Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ-BCN ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng, từ ngày 21/3/2006 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000479 lần đầu ngày 26/10/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 07/01/2011.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 ngày 07/01/2011 là: 55.010.240.000 đồng (*Năm mươi lăm tỷ không trăm mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*).

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Đà Nẵng.

2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, cột thép, khung nhà tiền chế và các sản phẩm cơ khí khác;
- Mạ kẽm các sản phẩm cơ khí và dịch vụ mạ kẽm;
- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh vận tải hàng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh phát triển nhà hạ tầng và kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất;
- Tư vấn, giám sát, đền bù giải phóng mặt bằng. Thiết kế, chế tạo và lắp đặt cột viễn thông, tháp truyền hình;
- Đầu tư, xây dựng và cho thuê hạ tầng thông tin liên lạc ngành viễn thông (trạm BTS).

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 và tới ngày lập báo cáo này gồm:

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

3. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Ông Hồ Thái Hoà	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Hiệu	Ủy viên
Ông Nguyễn Tịnh	Ủy viên
Ông Đào Ngọc Hùng	Ủy viên

Ban giám đốc:

Ông Hồ Thái Hoà	Giám đốc
Ông Hoàng Việt Trung	Phó Giám đốc
Ông Đào Ngọc Hùng	Phó Giám đốc

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 30/6/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, được trình bày từ trang 05 đến trang 20 kèm theo.

5. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011 kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

6. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2011; kết quả hoạt động kinh doanh cũng như dòng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

6. Trách nhiệm của Giám đốc (tiếp theo)

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết đã cung cấp đầy đủ Báo cáo tài chính giữa niên độ, sổ kế toán, các chứng từ và tài liệu khác có liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2011

Giám đốc

Hồ Thái Hoà

BÁO CÁO

Kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011. Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Huệ
Chứng chỉ số: 0756/KTV

Đào Tiến Đạt
Chứng chỉ số: Đ0078/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98,031,353,924	171,586,410,653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7,672,710,312	65,557,136,073
1. Tiền	111	V.1	2,033,270,979	65,557,136,073
2. Các khoản tương đương tiền	112		5,639,439,333	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu	130		53,814,999,276	81,334,433,635
1. Phải thu khách hàng	131		52,816,754,818	78,958,088,158
2. Trả trước cho người bán	132		1,152,767,393	2,644,588,652
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	129,140,687	15,258,447
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(283,663,622)	(283,501,622)
IV. Hàng tồn kho	140		29,935,736,059	20,537,644,402
1. Hàng tồn kho	141	V.4	29,935,736,059	20,537,644,402
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,607,908,277	4,157,196,543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		831,461,692	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		914,950,610	69,007,778
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,861,495,975	4,088,188,765
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20,529,011,237	14,927,553,677
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		18,539,178,042	12,450,052,906
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	10,316,887,417	10,100,990,889
<i>Nguyên giá</i>	222		59,295,574,217	56,885,887,199
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(48,978,686,800)	(46,784,896,310)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	74,421,864	82,587,864
<i>Nguyên giá</i>	228		130,656,000	130,656,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(56,234,136)	(48,068,136)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	8,147,868,761	2,266,474,153
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,500,000,000	2,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	2,500,000,000	2,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(1,000,000,000)	(500,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		489,833,195	477,500,771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	396,684,242	384,351,818
3. Tài sản dài hạn khác	268		93,148,953	93,148,953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		118,560,365,161	186,513,964,330

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NỀN ĐỘ (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		41,193,514,853	94,863,918,202
I. Nợ ngắn hạn	310		41,175,629,649	94,809,457,828
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	14,109,879,159	55,241,939,038
2. Phải trả người bán	312		7,230,610,434	5,027,757,180
3. Người mua trả tiền trước	313		433,607,435	959,114,845
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,001,638,547	5,344,220,930
5. Phải trả người lao động	315		2,443,602,464	8,768,461,925
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,400,756,045	2,685,896,887
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4,475,002,657	5,045,990,162
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3,775,599,945	5,970,957,352
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6,304,932,963	5,765,119,509
II. Nợ dài hạn	330		17,885,204	54,460,374
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		17,885,204	54,460,374
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77,366,850,308	91,650,046,128
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	77,366,850,308	91,650,046,128
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55,010,240,000	55,010,240,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,127,562,000	10,127,562,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2,443,691,236	2,443,691,236
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(6,168,057,201)	(35,470,000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,960,892,974	6,850,098,174
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,025,362,851	2,435,133,351
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4,967,158,448	14,818,791,367
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		118,560,365,161	186,513,964,330

Các chỉ tiêu ngoại Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
5. Ngoại tệ các loại		2,783.59	6,290.13
Đồng USD		2,783.59	6,290.13

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ánh

Hồ Thái Hòa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2011 đồng	Năm 2010 đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	27,730,128,862	64,382,473,172
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27,730,128,862	64,382,473,172
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	23,254,541,451	56,064,361,554
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,475,587,411	8,318,111,618
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	1,685,407,012	2,025,181,220
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	3,078,252,010	1,883,120,522
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,559,499,446	1,864,391,663
8. Chi phí bán hàng	24		0	3,807,000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2,223,929,247	3,800,274,950
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		858,813,166	4,656,090,366
11. Thu nhập khác	31		3,115,306,687	546,256,763
12. Chi phí khác	32		1,473,550,034	204,360,408
13. Lợi nhuận khác	40		1,641,756,653	341,896,355
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2,500,569,819	4,997,986,721
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	1,006,407,430	1,253,996,680
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,494,162,389	3,743,990,041
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.35	273	1,273

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tất Ảnh

Hồ Thái Hòa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2011

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ quý này	
			Năm 2011 đồng	Năm 2010 đồng
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	58,556,098,395	53,989,104,830
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(40,228,315,350)	(86,871,400,197)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(7,510,947,071)	(3,831,701,157)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(1,624,663,582)	(1,856,870,020)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2,424,206,698)	(615,428,447)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,811,820,595	1,746,918,470
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14,433,740,163)	(9,378,347,733)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	(5,853,953,874)	(46,817,724,254)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(2,409,687,018)	(3,442,430,600)
10	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,646,585,923	2,018,997,469
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(763,101,095)	(1,423,433,131)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	(6,132,587,201)	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	22,188,932,461	49,666,681,788
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64,291,289,591)	(30,351,087,604)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,000,113,230)	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56,235,057,561)	19,315,594,184
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(62,852,112,530)	(28,925,563,201)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	65,557,136,073	29,274,160,748
	<i>ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>		<i>(671,752,564)</i>	<i>7,717,320</i>
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7,672,710,312	356,314,867

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2011

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Tấn Ánh

Hồ Thái Hòa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM (sau đây được viết tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 85/QĐ - BCN ngày 01/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc chuyển Nhà máy Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng thành Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép Đà Nẵng, từ ngày 21/3/2006 đổi tên thành Công ty Cổ phần Chế tạo kết cấu thép VNECO.SSM.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000479 lần đầu ngày 26/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 07/01/2011.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 07 ngày 07/01/2011 của Công ty là: 55.010.240.000 đồng *(Năm mươi lăm tỷ không trăm mười triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)*.

Trụ sở chính: Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2- Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất công nghiệp cơ khí chế tạo, mạ kẽm, xây dựng, kinh doanh vận tải hàng.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, cột thép, khung nhà tiền chế và các sản phẩm cơ khí khác;
- Mạ kẽm các sản phẩm cơ khí và dịch vụ mạ kẽm;
- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm điện biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công;
- Kinh doanh phát triển nhà hạ tầng và kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất;
- Tư vấn, giám sát, đền bù giải phóng mặt bằng;
- Thiết kế, chế tạo và lắp đặt cột viễn thông, tháp truyền hình;
- Đầu tư, xây dựng và cho thuê hạ tầng thông tin liên lạc ngành viễn thông (trạm BTS).

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2011 được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1- Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính bao gồm: tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán đảm bảo đã được kiểm kê, đối chiếu đầy đủ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm các khoản chi phí: chi phí sửa chữa lớn TSCĐ; Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả do chưa có số liệu quyết toán chính thức với đơn vị cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ: Được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch...

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “*Doanh thu và thu nhập khác*”, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay; chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền**

	30/6/2011	01/01/2011
	<u>đồng</u>	<u>đồng</u>
Tiền mặt tại quỹ	389.044.349	176.573.468
Tiền gửi ngân hàng (*)	1.644.226.630	65.380.562.605
Cộng	2.033.270.979	65.557.136.073

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	30/6/2011		01/01/2011	
	ngoại tệ	đồng	ngoại tệ	đồng
Tiền gửi Việt Nam đồng		1.586.834.571		65.261.466.505
Ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh Đà Nẵng		2.817.325		6.893.834
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Đà Nẵng		1.770.289		1.815.221
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hải Vân		1.210.500.742		54.689.243.701
Ngân hàng TMCP Công thương - chi nhánh Liên Chiểu		1.445.216		1.445.216
Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Đà Nẵng		4.005.929		4.652.482.305
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Đà Nẵng		363.932.482		5.909.586.228
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		1.304.569		0
Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương		1.058.019		0
Tiền gửi bằng ngoại tệ (USD)	2.783,59	57.392.059	6.290,13	119.096.100
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Đà Nẵng	321,15	6.621.471	337,12	6.393.715
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hải Vân	905,83	18.676.403	4.398,62	83.274.674
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Đà Nẵng	1.556,61	32.094.185	1.554,39	29.427.711
Cộng	2.783,59	1.644.226.630	6.290,13	65.380.562.605

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM**Mẫu số B 09a - DN**

Địa chỉ: KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0511. 3732 998

Fax: 0511. 3732 489

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Phải thu khác	129.140.687	15.258.447
Cộng	129.140.687	15.258.447

4- Hàng tồn kho

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Nguyên liệu, vật liệu	18.299.351.120	15.395.318.974
Công cụ, dụng cụ	252.978.825	186.235.410
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.431.851.473	4.026.064.877
Thành phẩm	951.554.641	930.025.141
Cộng giá gốc hàng tồn kho	29.935.736.059	20.537.644.402

8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	12.575.415.763	40.067.557.389	2.685.677.004	1.557.237.043	56.885.887.199
Tăng do mua sắm	59.498.182	148.852.500	2.044.700.000	156.636.336	2.409.687.018
Tại ngày 30/6/2011	12.634.913.945	40.216.409.889	4.730.377.004	1.713.873.379	59.295.574.217
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	11.215.976.026	32.982.997.127	1.375.941.565	1.209.981.592	46.784.896.310
Khấu hao trong năm	281.087.478	1.697.345.373	158.948.892	56.408.747	2.193.790.490
Tại ngày 30/6/2011	11.497.063.504	34.680.342.500	1.534.890.457	1.266.390.339	48.978.686.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	1.359.439.737	7.084.560.262	1.309.735.439	347.255.451	10.100.990.889
Tại ngày 30/6/2011	1.137.850.441	5.536.067.389	3.195.486.547	447.483.040	10.316.887.417

Giá trị còn lại cuối năm TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.316.887.417 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.802.469.887 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2011	130.656.000	130.656.000
Tại ngày 30/6/2011	130.656.000	130.656.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2011	48.068.136	48.068.136
Khấu hao trong năm	8.166.000	8.166.000
Tại ngày 30/6/2011	56.234.136	56.234.136
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2011	82.587.864	82.587.864
Tại ngày 30/6/2011	74.421.864	74.421.864

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Nhà ở cho Công nhân viên	2.766.791.481	45.454.545
Mua quyền sử dụng đất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	2.165.223.898	2.165.223.898
Móng máy CNC phân xưởng cơ khí	2.978.467.759	0
Nhà vệ sinh	55.795.710	55.795.710
Dầm nhà xưởng	146.549.913	0
Đường ray phân xưởng cơ khí	35.040.000	0
Cộng	8.147.868.761	2.266.474.153

13- Đầu tư dài hạn khác

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Công ty Cổ phần Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

14- Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Chi phí công cụ, dụng cụ	396.684.242	384.351.818
Cộng	396.684.242	384.351.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15- Vay và nợ ngắn hạn**

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Vay ngắn hạn	14.109.879.159	55.241.939.038
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Vân	14.109.879.159	47.781.577.561
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đà Nẵng	0	2.959.983.214
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đà Nẵng	0	4.500.378.263
Cộng	14.109.879.159	55.241.939.038

16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Thuế giá trị gia tăng	0	2.924.783.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.001.638.547	2.419.437.815
Cộng	1.001.638.547	5.344.220.930

17- Chi phí phải trả

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Chi phí trích trước cho các công trình	1.361.484.513	2.581.461.219
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả	39.271.532	104.435.668
Cộng	1.400.756.045	2.685.896.887

18- Các khoản phải trả phải nộp khác

	30/6/2011	01/01/2011
	đồng	đồng
Tài sản thừa chờ xử lý	4.127.719.832	4.127.719.832
Kinh phí công đoàn	13.933.395	113.835.674
Bảo hiểm y tế	7.160.300	4.903.886
Bảo hiểm thất nghiệp	36.795.394	36.572.785
Các khoản phải trả, phải nộp khác	289.393.736	762.957.985
Cộng	4.475.002.657	5.045.990.162

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM

Địa chỉ: KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Tel: 0511. 3732 998

Fax: 0511. 3732 489

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Vốn của chủ sở hữu**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu Quý I năm 2011	55.010.240.000	2.443.691.236	(35.470.000)	10.127.562.000	6.850.098.174	2.435.133.351	14.818.791.367	91.650.046.128
Lãi trong Quý I	0	0	0	0	0	0	553.080.508	553.080.508
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối Quý I năm 2011, số dư đầu Quý II năm 2011	55.010.240.000	2.443.691.236	(35.470.000)	10.127.562.000	6.850.098.174	2.435.133.351	15.371.871.875	92.203.126.636
Lãi trong Quý II	0	0	0	0	0	0	941.081.881	941.081.881
Tăng khác (*)	0	0	(6.132.587.201)	0	1.180.459.000	590.229.500	0	(4.361.898.701)
Giảm khác (**)	0	0	0	0	(69.664.200)	0	(11.345.795.308)	(11.415.459.508)
Số dư cuối Quý II năm 2011	55.010.240.000	2.443.691.236	(6.168.057.201)	10.127.562.000	7.960.892.974	3.025.362.851	4.967.158.448	77.366.850.308

(*) Chi tiết tăng

- Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính tăng do phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 24/4/2011.
- Cổ phiếu quỹ tăng do Công ty đã hoàn tất việc mua lại cổ phiếu quỹ với số lượng 550.000 cổ phiếu (tương ứng với giá trị là: 6.132.587.201 đồng) theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ số 332BC/VNECO.SSM/2011 ngày 08/6/2011 của Công ty.

(**) Chi tiết giảm

- Quỹ đầu tư phát triển giảm do thanh toán chi phí học lớp kỹ năng thuyết trình, quản trị doanh nghiệp và chi phí nghiên cứu, học tập tại nước ngoài.
- Lợi nhuận chưa phân phối giảm do phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 24/4/2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM**Mẫu số B 09a - DN**

Địa chỉ: KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0511. 3732 998

Fax: 0511. 3732 489

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia**

	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55.010.240.000	55.010.240.000
+ Vốn góp đầu kỳ	55.010.240.000	55.010.240.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	55.010.240.000	55.010.240.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	8.394.647.808	0

d- Cổ phiếu

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.501.024	5.501.024
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.501.024	5.501.024
+ Cổ phiếu phổ thông	5.501.024	5.501.024
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	553.547	3.547
+ Cổ phiếu phổ thông	553.547	3.547
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.947.477	5.497.477
+ Cổ phiếu phổ thông	4.947.477	5.497.477
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2011 đồng	01/01/2011 đồng
Quỹ đầu tư phát triển:	7.960.892.974	6.850.098.174
Quỹ dự phòng tài chính:	3.025.362.851	2.435.133.351

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ dự phòng Tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Doanh thu bán hàng	11.288.796.099	32.465.826.141	18.874.132.684	63.661.152.102
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.439.132.648	721.321.070	8.855.996.178	721.321.070
Cộng	19.727.928.747	33.187.147.211	27.730.128.862	64.382.473.172

28- Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.065.899.755	28.327.774.411	7.329.919.222	55.685.323.362
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.767.448.019	379.038.192	15.924.622.229	379.038.192
Cộng	16.833.347.774	28.706.812.603	23.254.541.451	56.064.361.554

29- Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	652.690.525	51.269.886	1.669.613.998	111.953.888
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	0	7.717.320	0	7.717.320
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.793.014	758.317.473	15.793.014	1.905.510.012
Cộng	652.690.525	817.304.679	1.685.407.012	2.025.181.220

30- Chi phí tài chính

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Lãi tiền vay	572.053.222	1.225.476.813	1.559.499.446	1.864.391.663
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	671.752.564	0	671.752.564	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	342.000.000	18.728.859	342.000.000	18.728.859
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	500.000.000	0	500.000.000	0
Chi phí tài chính khác	5.000.000	0	5.000.000	0
Cộng	2.090.805.786	1.244.205.672	3.078.252.010	1.883.120.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31- Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
Tổng LN kế toán trước thuế	1.621.052.192	1.813.481.165	2.500.569.819	4.997.986.721
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	1.098.829.053	18.000.000	1.525.059.902	18.000.000
- Các khoản tiền phạt thuế	416.576.489	0	832.307.338	0
- Phụ cấp HĐQT, BKS	10.500.000	18.000.000	21.000.000	18.000.000
-Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	671.752.564	0	671.752.564	0
Tổng lợi nhuận tính thuế	2.719.881.245	1.831.481.165	4.025.629.721	5.015.986.721
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	679.970.311	457.870.291	1.006.407.430	1.253.996.680
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	679.970.311	457.870.291	1.006.407.430	1.253.996.680

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2011 đồng	Quý II năm 2010 đồng	từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 đồng	từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 đồng
LN kế toán sau thuế TNDN	941.081.881	1.355.610.874	1.494.162.389	3.743.990.041
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	941.081.881	1.355.610.874	1.494.162.389	3.743.990.041
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.464.235	2.940.377	5.464.235	2.940.377
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	172	461	273	2.057

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011.

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2011 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ, Quý II năm 2010 và Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ kế toán này trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 của Công ty đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO KẾT CẤU THÉP VNECO.SSM**Mẫu số B 09a - DN**

Địa chỉ: KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Tel: 0511. 3732 998

Fax: 0511. 3732 489

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6- Tính hoạt động liên tục**

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2011

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Giám đốc****Nguyễn Tất Ánh****Hồ Thái Hòa**